

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ;
2. Ông Lê Thanh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thiện Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải bà L, ông T thống nhất trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 05/8/1999 (Số 52/99, quyển số 02).

Sau khi kết hôn, bà L, ông T chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông T hay rượu chè về chửi mắng, xúc phạm và không quan tâm đến vợ con; gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng hòa thuận nhưng không thành. Năm 2019 đến nay cả hai

không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L nhận thấy tình cảm đã hết, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên xin được ly hôn ông T.

Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn lỗi do ông T, ông T hứa sẽ thay đổi để vợ chồng đoàn tụ vì cả hai vẫn còn tình cảm. Do đó, ông T không chấp nhận ly hôn và xin Tòa cho được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc.

- Về con chung: Bà L, ông T có 03 con chung Nguyễn Thanh V, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 14/02/2005. Nay ly hôn, bà L, ông T đều xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo Tr và tự nguyện không yêu cầu người không trực tiếp nuôi phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Hải Y đều đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L; về con chung: Giao cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo Tr theo nguyện vọng của cháu, bà L tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Hải Y đều đã trưởng thành các bên không yêu cầu giải quyết nên không xét; về tài sản không yêu cầu nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng có tình vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự T hành xét xử vắng mặt bà L, ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L, ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 05/8/1999 (Số 52/99, quyển số 02) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L, ông T có mâu thuẫn do không hợp tính và thường xuyên cãi vã, ông T hay rượu chè rồi về chửi mắng, bỏ mặc

không quan tâm đến vợ con. Sự việc kéo dài đến năm 2019, cả hai đã tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai; quá trình giải quyết vụ án ông T xin được đoàn tụ, tuy nhiên Tòa đã nhiều lần triệu tập để vận động, hòa giải đoàn tụ nhưng ông T thể hiện sự bỏ mặc, không hợp tác để Tòa vận động, hòa giải. Qua xác minh được biết ông T, bà L có mâu thuẫn và đã tự sống xa nhau không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L, ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: bà L, ông T có 03 con chung Nguyễn Thanh V, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 14/02/2005. Cháu Tr còn nhỏ, có nguyện vọng muốn được ở với bà L, ông T cũng tự nguyện theo nguyện vọng của cháu, do đó, để đảm bảo cho cháu Tr được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu Tr cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thị Hải Y đều đã trưởng thành, các bên không yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 14/02/2005. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại phiếu thu số 0001831 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hồng

